

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận trúng tuyển nhập học hệ Cao đẳng vừa làm vừa học
ngành Giáo dục Mầm non đợt 1 tháng 8 năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ/TTg ngày 24/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-CĐSPBN ngày 29/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;

Căn cứ kết quả thí sinh trúng tuyển đến nhập học cao đẳng vừa làm vừa học đợt 1 tháng 8/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 56 thí sinh trúng tuyển sinh đợt 1 tháng 8 (trong đó có 33 tốt nghiệp THPT; 23 tốt nghiệp từ TC trở lên) là sinh viên cao đẳng hệ vừa làm vừa học ngành Giáo dục Mầm non A13 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Lãnh đạo trường, trưởng các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách đính kèm tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Hữu Tuyền

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC CAO ĐẲNG VLVH NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON ĐỢT 1 - THÁNG 8 NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số 310 ngày 24/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh)

Mã ngành: 51140201; Tên ngành: Giáo dục Mầm non

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyệ n	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	TBC TN	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	TBC 3 môn	Ghi chú
1	VLVH 01	027190008268	Đinh Thị Nhân	15/10/1990	2008	Nữ	19	03	2NT		D01	TO	7.0	VA	7.1	N1	5.4	Khá	19.50		0.00	0	19.50		
2	VLVH 02	027196012489	Nguyễn Thị Thảo	21/4/1996	2014	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	6.4	SU	7.0	ĐI	7.8	Khá	21.20		0.00	0	21.20		
3	VLVH 03	125942802	Đặng Thị Huyền	01/9/2002	2020	Nữ	19	07	2NT		C00	VA	7.6	SU	7.7	ĐI	7.5	Giỏi	22.80		0.00	0	22.80		
4	VLVH 05	027192002812	Vũ Thị Thúy Hương	30/10/1992	2010	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	7.0	VA	6.6	N1	7.3	Khá	20.90		0.00	0	20.90		
5	VLVH 07	024185007912	Phạm Thị Huyền	15/02/1985	2003	Nữ	19	04	2NT		D01	TO	6.2	VA	7.0	N1	6.5	Khá	19.70		0.00	0	19.70		
6	VLVH 09	027192004618	Nguyễn Thị Hạnh	29/01/1992	2010	Nữ	19	03	2NT		D01	VA	5.2	SU	6.1	ĐI	7.3	Khá	18.60		0.00	0	18.60		
7	VLVH 10	027301002846	Nguyễn Thị Trang	11/04/2001	2019	Nữ	19	05	2		D01	TO	6.1	VA	6.9	N1	7.2	Khá	20.20		0.00	0	20.20		
8	VLVH 12	020197006443	Hoàng Thị Trang Nguyệt	12/6/1997	2015	Nữ	18	08	1	1	D01	TO	7.1	VA	7.3	N1	7.0	Khá	21.40		0.00	2	23.40		
9	VLVH 13	038192037673	Phạm Thị Hồng	03/10/1992	2010	Nữ	28	27	2NT		C00	VA	7.5	SU	7.0	ĐI	6.9	Khá	21.40		0.00	0	21.40		
10	VLVH 14	027198002287	Phạm Thị Nhung	14/06/1998	2016	Nữ	19	07	2NT		C00	VA	7.3	SU	7.5	ĐI	7.5	Khá	22.30		0.00	0	22.30		
11	VLVH 15	027304009820	Nguyễn Thị Ngọc Mai	26/08/2004	2022	Nữ	19	03	2NT		D01	TO	8.7	VA	8.5	N1	8.5	Giỏi	25.70		0.50	0	25.99		
12	VLVH 16	024195001196	Thân Thị Hương	25/10/1995	2013	Nữ	18	09	2NT		C00	VA	7.0	SU	7.5	ĐI	6.6	Khá	21.10		0.00	0	21.10		
13	VLVH 17	027193003069	Nguyễn Thị Dung	07/12/1993	2011	Nữ	19	02	2NT		D01	TO	8.4	VA	6.7	N1	6.3	Khá	21.40		0.00	0	21.40		
14	VLVH 18	033185014074	Bùi Thị Tường	01/10/1985	2004	Nữ	19	08	2NT		C00	VA	7.4	SU	6.9	ĐI	7.2	Khá	21.50		0.00	0	21.50		
15	VLVH 19	027300006279	Lê Thị Thanh Ngà	01/11/2000	2018	Nữ	19	04	2NT		D01	TO	8.6	VA	7.7	N1	7.7	Giỏi	24.00		0.00	0	24.00		
16	VLVH 20	125262123	Đỗ Thị Khuyên	01/10/1988	2006	Nữ	19	08	2NT		C00	VA	6.4	SU	7.5	ĐI	6.9	Khá	20.80		0.00	0	20.80		
17	VLVH 21	027188000116	Nguyễn Thị Trang	01/8/1988	2006	Nữ	01	12	2NT		C00	VA	7.1	SU	7.5	ĐI	7.8	Khá	22.40		0.00	0	22.40		
18	VLVH 22	027303002820	Nguyễn Thị Thu Hằng	31/01/2003	2021	Nữ	19	04	2NT		D01	TO	8.0	VA	8.1	N1	7.0	Khá	23.10		0.00	0	23.10		
19	VLVH 23	019199009220	Nguyễn Thị Thùy Linh	18/6/1999	2017	Nữ	12	07	2		D01	TO	7.8	VA	8.0	N1	8.8	Khá	24.60		0.00	0	24.60		
20	VLVH 24	125346378	Nguyễn Thị Hằng	08/10/1991	2009	Nữ	19	01	2		C00	VA	8.7	SU	9.2	ĐI	8.1	Giỏi	26.00		0.00	0	26.00		

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên		Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyệ n	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	TBC TN	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	TBC 3 môn	Ghi chú
21	VLVH 25	024191018036	Doãn Thị	Ngọc	27/02/1991	2009	Nữ	18	01	1		C00	VA	6.8	SU	6.2	ĐI	7.4	Khá	20.40		0.00	0	20.40		
22	VLVH 26	027305010973	Trần Thị	Chinh	18/02/2005	2023	Nữ	19	02	2NT		D01	TO	7.6	VA	7.8	N1	7.7	Khá	23.10		0.50	0	23.56		
23	VLVH 28	027198005101	Lương Thị	Lan	17/3/1998	2016	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.2	SU	7.2	ĐI	8.1	Khá	22.5		0.00	0	22.50		
24	VLVH 29	027186001326	Lê Thị Thùy	Vân	26/06/1986	2004	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.4	SU	7.9	ĐI	6.8	Khá	21.1		0.00	0	21.10		
25	VLVH31	027301002326	Hoàng Thị	Huyền	23/10/2001	2019	Nữ	19	07	2NT		D01	TO	8.4	VA	7.8	N1	7.7	Khá	23.9		0.00	0	23.90		
26	VLVH32	027302004973	Nghiêm Thị	Quyên	21/03/2002	2020	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.9	SU	7.8	ĐI	7.8	Khá	23.5		0.00	0	23.50		
27	VLVH33	027196008115	Nguyễn Thị	Hương	02/03/1996	2014	Nữ	29	15	2		C00	VA	7.2	SU	7.6	ĐI	7.3	Khá	22.1		0.00	0	22.10		
28	VLVH 34	027301007989	Tô Thu	Giang	01/09/2001	2019	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.0	SU	7.4	ĐI	7.3	Khá	21.7		0.00	0	21.70		
29	VLVH 35	027302002552	Nguyễn Thị	Trang	30/05/2002	2020	Nữ	19	02	2NT		D01	TO	7.6	VA	7.9	N1	8.4	Khá	23.9		0.00	0	23.90		
30	VLVH36	027304003463	Nguyễn Thị Minh	Thùy	16/07/2004	2022	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	7.9	SU	8.3	ĐI	9.1	Giỏi	25.3		0.50	0	25.61		
31	VLVH37	040305016626	Hoàng Thị Khánh	Hiền	23/02/2005	2023	Nữ	29	05	2		C00	VA	7.2	SU	8.7	ĐI	7.8	Khá	23.7		0.25	0	23.91		
32	VLVH38	027195006880	Nguyễn Thị	Hải	04/12/1995	2013	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	7.4	VA	6.8	N1	5.4	Khá	19.6		0.00	0	19.60		
33	VLVH39	027193009119	Trương Thị	Lan	20/05/1993	2011	Nữ	19	02	2NT		D01	TO	8.8	VA	6.4	N1	6.3	Khá	21.5		0.00	0	21.50		
34	SP02	027197006731	Đặng Thị Thanh	Hằng	26/12/1997	2015	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	6.4	SU	7.0	ĐI	7.5	TB	20.90		0.00	0	20.90		
35	SP03	019192011635	Hà Hải	Yên	24/12/1992	2010	Nữ	19	01	1	1	D01	TO	8.1	VA	6.7	N1	7.6	Khá	22.40		0.00	2	24.40		
36	SP06	027192000729	Đỗ Bảo	Hường	28/6/1992	2010	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	6.4	SU	6.9	ĐI	7.4	TB	20.70		0.00	0	20.70		
37	SP07	024188009126	Lại Thị	Hạnh	08/3/1988	2006	Nữ	19	02	1		D01	TO	6.7	VA	6.5	N1	7.7	Khá	20.90		0.00	0	20.90		
38	SP09	004192007053	Nông Thị	Huệ	13/01/1992	2010	Nữ	18	01	1	1	C00	VA	5.5	SU	6.7	ĐI	6.7	TB	18.90		0.00	2	20.90		
39	SP10	027199009268	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	01/08/1999	2017	Nữ	18	09	2NT		C00	VA	8.1	SU	7.9	ĐI	8.4	Khá	24.40		0.00	0	24.40		
40	SP11	034197001166	Nguyễn Thị	Quyên	01/12/1997	2015	Nữ	19	08	2NT		C00	VA	6.8	SU	8.0	ĐI	7.4	Khá	22.20		0.00	0	22.20		
41	SP12	027198007075	Nguyễn Thị	An	27/3/1998	2016	Nữ	19	05	2		C00	VA	6.3	SU	6.7	ĐI	7.0	TB	20.00		0.00	0	20.00		
42	SP14	027196008736	Bùi Thị	Thủy	22/12/1996	2014	Nữ	19	01	2		D01	TO	6.1	VA	5.1	N1	7.1	TB	18.30		0.00	0	18.30		
43	SP15	024300008391	Vương Thu	Trang	04/10/2000	2018	Nữ	18	01	2		D01	TO	7.2	VA	6.4	N1	5.7	Khá	19.30		0.00	0	19.30		
44	SP16	040198025788	Trần Thị	Ngân	17/08/1998	2016	Nữ	18	07	2NT		D01	TO	8.8	VA	7.3	N1	7.4	Khá	23.50		0.00	0	23.50		
45	SP17	027188002091	Trần Thị	Ngọc	19/11/1988	2006	Nữ	19	05	2NT		C00	VA	7.3	SU	6.1	ĐI	5.2	TB	18.60		0.00	0	18.60		

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyệ n	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	TBC TN	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	TBC 3 môn	Ghi chú
46	SP18	027190005147	Lương Thị Lan	01/8/1990	2008	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	6.2	SU	5.3	ĐI	5.3	TB	16.80		0.00	0	16.80		
47	SP 19	027180006341	Phạm Thị Lý	18/3/1980	1999	Nữ	19	08	2NT		C00	VA	5.9	SU	6.4	ĐI	6.2	TB	18.50		0.00	0	18.50		
48	SP 20	027199008402	Nguyễn Thị Duyên	11/01/1999	2017	Nữ	19	02	2		D01	TO	8.1	VA	7.1	N1	7.7	Giỏi	22.9		0.00	0	22.90		
49	SP 22	027195000867	Nguyễn Thị Trang	05/6/1995	2013	Nữ	19	03	2NT		D01	TO	6.7	VA	7.0	N1	6.2	Khá	19.9		0.00	0	19.90		
50	SP23	027186003752	Ngô Thị Minh	07/8/1986	2004	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.4	SU	7.8	ĐI	7.0	Khá	22.2		0.00	0	22.20		
51	SP24	027189002474	Trần Thị Khanh	17/3/1989	2007	Nữ	19	03	2		D01	TO	7.9	VA	6.5	N1	5.6	Khá	20.0		0.00	0	20.00		
52	SP25	024194009090	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/05/1994	2012	Nữ	18	02	1		C00	VA	6.1	SU	5.3	ĐI	6.6	TB	18.0		0.00	0	18.00		
53	SP27	027191004401	Trần Thị Phúc	21/09/1991	2009	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	6.0	SU	7.0	ĐI	6.1	TB	19.1		0.00	0	19.10		
54	SP28	024191015123	Giáp Thị Loan	06/08/1991	2010	Nữ	19	01	1		D01	TO	5.4	VA	5.7	N1	5.7	TB	16.8		0.00	0	16.80		
55	SP29	027194011210	Nguyễn Thị Vang	16/09/1994	2012	Nữ	19	07	2NT		C00	VA	6.7	SU	7.2	ĐI	6.7	Khá	20.6		0.00	0	20.60		
56	SP30	027193006752	Nguyễn Thị Núi	13/12/1993	2011	Nữ	19	01	2		C00	VA	5.3	SU	6.4	ĐI	6.6	TB	18.3		0.00	0	18.30		

(Danh sách gồm 56 thí sinh)

